

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 12

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 09 – 10/12/2022

Ngày cung cấp TT: 11/12/2022

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công đóng.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công mở.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đang chặn dòng để sửa kênh.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Công đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh:

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên,**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Đầu kênh S48, Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh).**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời se lạnh, nhiệt độ 18°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm 82%, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mục nước ngoài sông cao hơn nội	7.32	33.6	6.67	0.2	0.148	0.104	319	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời se lạnh, nhiệt độ 18°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm 83%, mật độ mây 88%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.31	30.9	6.8	0.1	0.124	0.162	236	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông 14 km/h, độ ẩm 88%, mật độ mây 97%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	7.63	54.7	5.7	0.1	0.233	0.081	236	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
4	Cống Sông	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông	7.67	34.3	5.5	0.5	0.319	1.427	725	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15			
	Chanh	thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	14 km/h, độ ẩm 91%, mật độ mây 95%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Hạ lưu cống có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.									Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời se lạnh, nhiệt độ 19°C, gió Đông 11 km/h, độ ẩm 78%, mật độ mây 98%. Không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Thượng lưu cống có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.21	31.6	5.9	0.3	0.241	1.508	469		Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới,	Trời se lạnh, nhiệt độ 19°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm	7.16	29.2	5.42	0.3	0.241	1.485	407		Giá trị các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		tưới cho Huyện Thanh Liêm.	78%, mật độ mây 98%. Dòng chảy vừa, cống mở tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời se lạnh, nhiệt độ 19°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm 79%, mật độ mây 99%. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.15	16.5	4.72	0.3	0.334	0.063	430	Giá trị amoni cao hơn giới hạn cho phép B2
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông 14 km/h, độ ẩm 88%, mật độ mây 97%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội	7.37	32.7	5.22	0.3	0.396	0.194	444	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			đồng. Trạm bơm không hoạt động. Thượng lưu cống có bèo. Nước màu vàng lục.								
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm 91%, mật độ mây 96%. Dòng chảy chậm hướng về phía Cốc Thành. Nước màu vàng lục.	7.5	26.2	4.96	0.5	0.754	0.542	722	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông 13 km/h, độ ẩm 91%, mật độ mây 96%. Nước đứng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu ảnh hưởng nước thải từ khu công nghiệp Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	7.78	28.8	5.34	3.2	0.458	10.575	3880	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
11	Cầu đường	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông	7.44	23.6	5.35	0.3	0.404	0.182	468	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
	10 với sông Sắt	thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	14 km/h, độ ẩm 88%, mật độ mây 97%. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.								Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời se lạnh, nhiệt độ 18°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm 80%, mật độ mây 96%. Cống đóng, không có dòng chảy. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Thượng lưu đập dày đặc bèo. Nước màu vàng lục.	7.13	57.3	5.56	0.4	0.559	0.243	585	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, gió Bắc 10 km/h, độ ẩm 77%, mật độ mây 98%. Dòng chảy bị chặn để sửa chữa công trình. Nước màu vàng lục.	7.37	31.9	4.45	0.5	0.117	1.769	670	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời se lạnh, nhiệt độ 17°C, gió Đông	7.08	46	4.09	0.4	0.295	0.045	583	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		thông, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	12 km/h, độ ẩm 83%, mật độ mây 93%. Không có dòng chảy, nước đứng. Chân đập có rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.								Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông 14 km/h, độ ẩm 88%, mật độ mây 97%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước cạn. Trên kênh có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước có hiện tượng phú dưỡng, tù đọng. Nước màu xanh lục.	7.38	39.3	3.16	0.7	2.145	1.514	864	Giá trị DO thấp hơn các chỉ tiêu giới hạn cho phép B1. Giá trị amoni cao hơn giới hạn cho phép B1
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời se lạnh, nhiệt độ 18°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm 82%, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Mực nước ngoài	7.17	30.7	4.56	0.3	0.521	0.297	463	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			sông cao hơn nội đồng. Hai bên bờ có rác thải sinh hoạt. Nước màu xanh lục.								
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời se lạnh, nhiệt độ 18°C, gió Đông 12 km/h, độ ẩm 80%, mật độ mây 94%. Không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ. Nước màu xanh lục.	7.13	23.9	2.39	0.4	2.463	1.609	547	Giá trị DO thấp hơn các chỉ tiêu giới hạn cho phép B1. Giá trị amoni cao hơn giới hạn cho phép B1
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời se lạnh, nhiệt độ 19°C, gió Đông 13 km/h, độ ẩm 79%, mật độ mây 98%. Không có dòng chảy. Hai bên bờ sông có bèo. Nước màu vàng lục.	7.46	18.7	5.47	0.3	0.264	2.115	441	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các	Trời se lạnh, nhiệt độ 16°C, gió Đông 13 km/h, độ ẩm 91%, mật độ mây 96%.	7.82	23.3	4.44	3.3	0.684	11.250	4000	Giá trị nitrat cao hơn giới hạn cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
	sông Chanh)	ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Nước đứng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải từ KCN Bảo Minh. Nước màu vàng lục.								phép B1
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời se lạnh, nhiệt độ 17°C, gió Đông 13 km/h, độ ẩm 84%, mật độ mây 95%. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi của hộ dân ở chân cầu.	7.25	55.7	4.81	0.3	0.614	0.059	471	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2022

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC